

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Lê Thành C, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Thu T trình bày:

Bà và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/3/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của ông bà hạnh phúc. Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C thêu xuyên nhậu, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Ông bà đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Nay bà xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có hai con chung là Lê Võ Cẩm C, sinh ngày 30/01/2018 và Lê Võ Cẩm H, sinh ngày 01/01/2021. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thành C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời trình bày của ông C.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về con chung: có hai con chung là Lê Võ Cẩm C, sinh ngày 30/01/2018 và Lê Võ Cẩm H, sinh ngày 01/01/2021. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Thành C hiện đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Thành C đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/3/2018 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo nguyên đơn bà T trình bày, sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C thường xuyên đi nhậu và không quan tâm chăm sóc gia đình, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Ông bà đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Trong thời gian ly thân này, ông bà không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ, tuy nhiên ông C vẫn cố tình không đến, điều này cho thấy ông C không có thiện C muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến việc tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của ông bà. Hội đồng xét xử thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: ông bà có hai con chung là Lê Võ Cẩm C, sinh ngày 30/01/2018 và Lê Võ Cẩm H, sinh ngày 01/01/2021. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cả hai con chung đang sống với bà T, các cháu có cuộc sống, sinh hoạt ổn định nên việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Bà T không yêu cầu ông Phong cấp dưỡng cho con, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu T, cụ thể tuyên: bà Võ Thị Thu T ly hôn với ông Lê Thành C.

2. Về con chung: có hai con chung là Lê Võ Cẩm C, sinh ngày 30/01/2018 và Lê Võ Cẩm H, sinh ngày 01/01/2021. Sau khi ly hôn bà T là người trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Võ Thị Thu T phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002687 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã H, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

